

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	206	40	42	38	40	46
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	206	40	42	38	40	46
III	Số học sinh chia theo, năng lực, phẩm chất	206	40	42	38	40	46
	Phẩm chất	206	40	42	38	40	46
1	<i>Chăm học, chăm làm</i>	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	70	19	14	9	13	15
	<i>Đạt</i>	136	20	28	29	27	31
	<i>Chưa đạt</i>	1	1	0	0	0	0
2	<i>Tự tin, trách nhiệm</i>	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	71	21	13	8	13	16
	<i>Đạt</i>	136	19	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
3	<i>Trung thực, kỷ luật</i>	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	71	21	13	8	13	16
	<i>Đạt</i>	136	19	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
4	<i>Đoàn kết, yêu thương</i>	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	71	21	13	8	13	16

	<i>Đạt</i>	136	19	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
	Về năng lực	206	40	42	38	40	46
1	Tự phục vụ	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	71	21	13	8	13	16
	<i>Đạt</i>	136	19	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
2	Hợp tác	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	70	20	13	8	13	16
	<i>Đạt</i>	136	20	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
3	Tự học						
	giải quyết vấn đề	206/206	40/40	42/42	38/38	40/40	46/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	<i>Tốt</i>	71	21	13	8	13	16
	<i>Đạt</i>	136	19	29	30	27	30
	<i>Chưa đạt</i>	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Tiếng Việt	206	40	42	38	40	46
a	Hoàn thành tốt	63/206	19/40	12/42	9/38	10/40	13/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	30,5%	47,5%	28,5%	23,6%	25,0%	28,2%
b	Hoàn thành	143/206	18/40	30/42	29/38	30/40	33/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	29,5%	52,5%	71,5%	76,4%	75,0%	71,8%
c	Chưa hoàn thành	3/206	3/40	0	0	0	0
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	1,4%	7,5%				
2	Toán	206	40	42	38	40	46
a	Hoàn thành tốt	57/206	17/40	12/42	6/38	10/40	12/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	27,6%	42,5%	28,5%	15,7%	25,0%	26,1%
b	Hoàn thành	149/206	22/40	30/42	32/38	30/40	34/46
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	72,4%	55,0%	71,5%	84,3%	75,0%	73,9%
c	Chưa hoàn thành	1/206	1/40	0	0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)	0,4%	2,5%				
3	Khoa học	86				40	46
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	33/86				13/40	20/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	38,3%				32,5%	43,4%
a	Hoàn thành	53/86				27/40	26/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	61,7%				67,5%	56,6%
c	Chưa hoàn thành	0				0	0
4	Lịch sử và Địa lí	86				40	46
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	30/86				11/40	19/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	34,8%				27,5%	41,3%
b	Hoàn thành	56/86				29/40	27/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	65,2%				72,5%	58,7%
c	Chưa hoàn thành	0				0	0
5	Tiếng Anh	206	40	42	38	40	46
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	65/206	10/40	15/42	12/38	14/40	14/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	31,5%	25,0%	35,7%	31,5%	35,0%	30,4%
b	Hoàn thành	140/206	30/40	27/42	25/38	26/40	32/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	68,1%	75,0%	64,3%	66,9%	65,0%	69,6%
c	Chưa hoàn thành	1/206			1/38		
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,4%			2,6%		
6	Tin học	124			38	40	46
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	30/124			6/38	12/40	12/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	24,1%			15,7%	30,0%	26,1%
b	Hoàn thành	94/115			32/42	28/34	34/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	75,9%			84,3%	70,0%	73,9%
7	Đạo đức	206	40	42	38	40	46
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	76/206	19/40	13/42	11/38	13/40	20/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	36,8%	47,5%	30,9%	28,9%	32,5%	43,3%
b	Hoàn thành	130/206	21/40	29/42	27/38	27/40	26/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	63,2%	52,5%	69,1%	71,1%	67,5%	56,7%
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
8	Tự nhiên và Xã hội	120	40	42	38		
a	<i>Hoàn thành tốt</i>	41/120	18/40	13/42	10/38		
	(tỷ lệ so với tổng số)	34,1%	45,0%	30,9%	26,3%		
b	Hoàn thành	79/120	22/40	29/42	28/38		
	(tỷ lệ so với tổng số)	65,9%	77,0%	69,1%	73,7%		
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0		

9	Âm nhạc	206	40	42	38	40	46
a	Hoàn thành tốt	70/206	16/40	16/42	10/38	12/40	16/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	33,9%	40,0%	38,1%	26,3%	30,0%	34,7%
b	Hoàn thành	136/206	24/40	26/42	28/38	28/40	30/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	66,1%	60,0%	61,9%	73,7%	70,0%	65,3%
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
10	Mĩ thuật	206	40	42	38	40	46
a	Hoàn thành tốt	51/206	14/40	10/42	7/38	9/40	11/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	24,7%	35,0%	23,8%	18,4%	22,5%	23,9%
b	Hoàn thành	155/206	26/40	32/42	31/38	31/40	35/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	75,3%	65,0%	76,2%	81,6%	77,5%	76,1%
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11	Thủ công (Kỹ thuật)	86				40	46
a	Hoàn thành tốt	32/86				13/40	19/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,2%				32,5%	41,3%
b	Hoàn thành	54/86				27/40	27/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	62,8%				67,5%	58,7%
c	Chưa hoàn thành	0				0	0
12	Thể dục	206	40	42	38	40	46
a	Hoàn thành tốt	75/206	13/40	15/42	12/38	13/40	22/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	36,4%	32,5%	35,7%	31,5%	32,5%	47,8%
b	Hoàn thành	131/206	27/40	27/42	26/38	27/40	24/46
	(tỷ lệ so với tổng số)	63,6%	67,5%	64,3%	68,5%	67,5%	52,2%
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
a	Học sinh được khen thưởng cấp trường	65	12	15	10	13	15

An Long, ngày 01 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Thiện